



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1766>

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở ĐẶC KHU KIÊN HẢI, TỈNH AN GIANG

Hồ Văn Thống<sup>1</sup> và Danh Sơn<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: [danhsonthcsvathptlaison@gmail.com](mailto:danhsonthcsvathptlaison@gmail.com)

### Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/3/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 10/3/2026; Ngày duyệt đăng: 13/3/2026

### Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu khảo sát và phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang, từ đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả giáo dục nhân cách trong bối cảnh hiện nay. Thông qua phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, dữ liệu được thu thập từ mẫu khảo sát gồm 90 khách thể là cán bộ quản lý và giáo viên bằng phiếu hỏi sử dụng thang đo Likert 4 mức độ, kết hợp với phỏng vấn sâu để làm rõ các khía cạnh định tính. Kết quả cho thấy, công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức được triển khai tương đối đồng bộ và được đánh giá ở mức khá trên các nội dung: xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá và phối hợp các lực lượng giáo dục. Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn tồn tại trong việc huy động các lực lượng xã hội, đổi mới hình thức giáo dục đạo đức, bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức cho giáo viên và sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động giáo dục. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù.

**Từ khóa:** Giáo dục đạo đức, quản lý giáo dục, trung học phổ thông.

Trích dẫn: Hồ, V. T., & Danh, S. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học phổ thông ở Đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang. *Tap chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(01S), 37-47. <https://doi.org/10.52714/dthu.15.01S.2026.1766>

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CURRENT SITUATION OF MANAGING MORAL EDUCATION ACTIVITIES FOR STUDENTS IN HIGH SCHOOLS IN KIEN HAI SPECIAL ZONE, AN GIANG PROVINCE**

**Ho Van Thong<sup>1</sup> and Danh Son<sup>2\*</sup>**

*<sup>1</sup>Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*<sup>2</sup>Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author, Email: danhsonthesvathptlaison@gmail.com*

### **Article history**

*Received: 04/3/2026; Received in revised form: 10/3/2026; Accepted: 13/3/2026*

### **Abstract**

*This study aims to examine the current management of moral education activities for students in high schools in the Kien Hai Special Zone, An Giang province, thereby establishing a practical basis for improving the effectiveness of character education in the current context. A mixed research method was used with a survey sample of 90 subjects, including administrators and teachers, using questionnaires with a 4-point Likert scale, combined with in-depth interviews to clarify qualitative aspects. The results show that the management of moral education activities is implemented relatively synchronously and is rated as fairly good in terms of: planning, organization, direction, inspection and evaluation, and coordination of educational forces. However, some limitations remain in mobilizing social forces, innovating forms of moral education, fostering moral education capacity among teachers, and using assessment results to adjust educational activities. Thus, the research results provide a practical basis for improving the effectiveness of managing moral education activities for high school students in areas with specific socio-economic conditions.*

**Keywords:** *Educational Management, high school, moral education.*

## **1. Giới thiệu**

Trong hệ thống quan điểm giáo dục Việt Nam, nhân cách con người luôn được định nghĩa bởi sự thống nhất biện chứng giữa “Đức” và “Tài”. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Tư tưởng này hiện nay vẫn giữ nguyên giá trị cốt lõi, trở thành định hướng chiến lược cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Chủ trương phát triển con người toàn diện đã được Đảng và Nhà nước thể chế hóa mạnh mẽ trong Luật Giáo dục năm 2019, xác định mục tiêu hình thành phẩm chất, năng lực và ý thức công dân đáp ứng yêu cầu bối cảnh hội nhập quốc tế (Quốc hội, 2019). Đặc biệt, Nghị quyết số 29-NQ/TW và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh vai trò của cấp trung học phổ thông (THPT) trong việc phát triển những phẩm chất cần thiết, giúp học sinh có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và thích ứng với những thay đổi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Ban Chấp hành Trung ương, 2013; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Về mặt lý luận, giáo dục đạo đức là một phạm trù cơ bản, phản ánh quá trình tác động có mục đích và hệ thống nhằm hình thành nhân cách theo các chuẩn mực xã hội (UNESCO, 2015). Đạo đức không phải là phẩm chất hình thành tự nhiên mà là kết quả của quá trình rèn luyện, trải nghiệm và đặc biệt là sự điều hành khoa học từ phía nhà trường. Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT, vì thế, được hiểu là quá trình vận hành các chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá nhằm tối ưu hóa các tác động sư phạm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020). Trong đó, hiệu trưởng đóng vai trò là chủ thể quản lý, chịu trách nhiệm tổ chức và phối hợp các lực lượng giáo dục để đạt được mục tiêu hình thành nhân cách cho học sinh.

Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trên thế giới và trong nước. Các nghiên cứu kinh điển của Komensky (2001) hay những công trình của Phạm (2002), Hà (2007) đã làm sáng tỏ vai trò nền tảng của đạo đức trong cấu trúc nhân cách. Ở góc độ quản lý, các tác giả như Trần (2004), Nguyễn & Nguyễn (2010) đã xây dựng khung lý thuyết vững chắc về các chức năng quản lý giáo dục toàn diện.

Tuy nhiên, qua lược khảo tài liệu cho thấy, chưa có nhiều công trình tập trung vào việc đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù như khu vực Kiên Hải, tỉnh An Giang. Thực tế cho thấy, công tác này tại địa phương vẫn còn bộc lộ những hạn chế, khiến kết quả giáo dục chưa đạt được như mong muốn. Việc thiếu hụt các dữ liệu thực chứng và giải pháp quản lý tương thích với đặc thù vùng miền chính là “khoảng trống” cần được lấp đầy. Do đó, nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường THPT ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang là nhiệm vụ cần thiết, nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Khách thể và địa bàn nghiên cứu**

Nghiên cứu được triển khai tại 02 cơ sở giáo dục có cấp THPT tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang, bao gồm: Trường THCS&THPT Lại Sơn và Trường THCS&THPT Kiên Hải. Tổng mẫu khảo sát được chọn theo phương pháp chọn mẫu có mục đích với quy mô  $n = 90$  đối tượng. Cơ cấu khách thể khảo sát bao gồm các nhóm có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý và thực hiện giáo dục đạo đức, cụ thể:

- Nhóm cán bộ quản lý (CBQL) cấp Sở: 04 lãnh đạo, chuyên viên Phòng Giáo dục phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang.

- Nhóm CBQL cấp trường: 02 Hiệu trưởng, 04 Phó Hiệu trưởng và 12 Tổ trưởng chuyên môn.

- Nhóm trực tiếp thực hiện: 68 giáo viên (GV) đang công tác tại các trường khảo sát.

## **2.2. Công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp nhằm đảm bảo tính khách quan và chiều sâu của dữ liệu:

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Hệ thống câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 4 mức độ nhằm khảo sát thực trạng các chức năng quản lý.

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Thực hiện phỏng vấn trực tiếp một số CBQL và GV tiêu biểu nhằm làm rõ những thuận lợi, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng, từ đó giải thích sâu hơn các xu hướng thu được từ dữ liệu định lượng.

## **2.3. Quy ước thang đo và xử lý số liệu**

Dữ liệu thu thập được mã hóa và xử lý bằng phần mềm thống kê. Nghiên cứu sử dụng thang đo định danh để phân loại đối tượng và thang đo khoảng cách để tính toán các tham số thống kê mô tả. Điểm trung bình (ĐTB) được sử dụng để đánh giá mức độ thực hiện các nội dung quản lý.

Khoảng cách giá trị giữa các mức độ được xác định theo công thức:

$$(Maximum - Minimum)/n = (4-1)/4 = 0,75.$$

Bảng quy ước đánh giá giá trị trung bình:

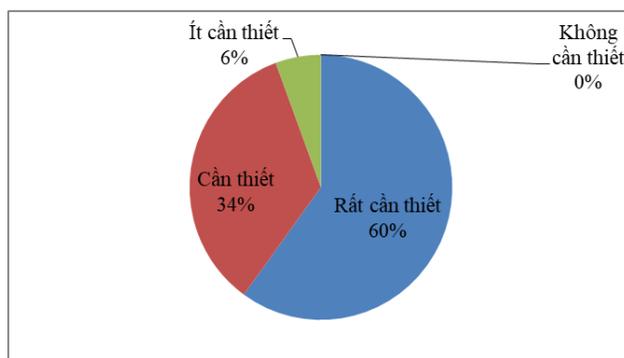
<b>Khoảng giá trị ĐTB</b>	<b>Mức độ thực hiện</b>	<b>Mức độ cần thiết</b>
3,26 – 4,00	Tốt	Rất cần thiết
2,51 – 3,25	Khá	Cần thiết
1,76 – 2,50	Đạt	Ít cần thiết
1,00 – 1,75	Chưa đạt	Không cần thiết

Các chỉ số thống kê chính được sử dụng bao gồm: ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và thứ bậc xếp hạng. Kết quả phân tích là cơ sở để đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục đạo đức tại địa bàn nghiên cứu một cách khoa học và hệ thống.

## **3. Kết quả đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường trung học phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang**

### **3.1. Thực trạng nhận thức về sự cần thiết trong công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang**

Trước khi đi vào phân tích chi tiết các chức năng quản lý, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết của công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức. Kết quả được thể hiện tại Hình 1:



**Hình 1. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ cần thiết trong quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông**

Dữ liệu từ Hình 1 cho thấy một sự đồng thuận mạnh mẽ về mặt tư tưởng. Với 94,4% ý kiến đánh giá ở mức “Rất cần thiết” và “Cần thiết”, có thể khẳng định rằng đội ngũ nhà giáo tại đặc khu Kiên Hải đã xác định quản lý giáo dục đạo đức là nhiệm vụ trọng tâm, không thể tách rời trong tiến trình phát triển nhân cách học sinh. Việc nhận thức đúng đắn này là tiền đề then chốt, tạo động lực để các nhà trường cụ thể hóa mục tiêu giáo dục vào các khâu kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra. Điều này cho thấy đội ngũ CBQL và GV đã nhận thức được vai trò then chốt của quản lý trong việc bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của các hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ GV cho rằng công tác quản lý giáo dục đạo đức chỉ ở mức “ít cần thiết”, phản ánh sự chưa đồng đều trong nhận thức và là vấn đề cần được quan tâm trong công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và nhận thức nghề nghiệp.

Qua phỏng vấn, CBQL cho rằng công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh là hết sức cần thiết, bởi giáo dục đạo đức liên quan trực tiếp đến việc hình thành nhân cách và lối sống của học sinh. Nếu không có sự quản lý chặt chẽ, các hoạt động giáo dục đạo đức dễ mang tính hình thức, thiếu sự thống nhất và khó đạt hiệu quả lâu dài.

Ý kiến của GV cũng đồng tình với quan điểm trên và cho rằng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức giúp GV có định hướng rõ ràng trong tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh. Tuy nhiên, GV cho rằng ở một số thời điểm, công tác quản lý còn thiên về hành chính, chưa thật sự tạo điều kiện để GV phát huy tính chủ động, sáng tạo trong giáo dục đạo đức.

Tuy nhiên, từ nhận thức đến thực tiễn là một quá trình chuyển hóa phức tạp. Để làm rõ việc nhận thức cao này được hiện thực hóa như thế nào trong môi trường sư phạm, chúng tôi tiếp tục phân tích thực trạng quản lý thông qua chu trình 4 chức năng cơ bản dưới đây.

### 3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang

**Bảng 1. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về việc xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông**

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB ( $\bar{x}$ )	ĐLC (SD)	Thứ bậc
1	Bám sát văn bản chỉ đạo	3,14	0,81	1
2	Xác định rõ mục tiêu, nội dung	3,06	0,87	2
3	Tính toàn diện, lồng ghép	2,97	0,92	4

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB ( $\bar{x}$ )	ĐLC (SD)	Thứ bậc
4	Phù hợp điều kiện thực tiễn	2,99	0,91	3
5	Sự tham gia của các lực lượng	2,78	1,00	6
6	Công khai, điều chỉnh linh hoạt	2,89	0,92	5
<b>ĐTB chung</b>		<b>2,97</b>		

Kết quả khảo sát tại Bảng 1 cho thấy công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục đạo đức tại các trường THPT khu vực Kiên Hải, tỉnh An Giang được CBQL và GV đánh giá ở mức Khá, với ĐTB chung đạt 2,97. Chỉ số ĐLC toàn bảng dao động từ 0,81 đến 1,00, cho thấy sự đánh giá của các đối tượng khảo sát tương đối tập trung và có độ tin cậy cao.

Điểm sáng nổi bật trong chu trình lập kế hoạch là việc xây dựng các nội dung bám sát văn bản chỉ đạo của cấp trên (ĐTB = 3,14; hạng 1) và xác định rõ ràng mục tiêu, nội dung giáo dục (ĐTB = 3,06; hạng 2). Đặc biệt, tiêu chí “Bám sát văn bản chỉ đạo” có ĐLC thấp nhất (0,81), phản ánh sự đồng thuận tuyệt đối trong việc tuân thủ tính pháp quy và định hướng chính trị của nhà trường. Kết quả này khẳng định các đơn vị đã thiết lập được khung quản lý vững chắc, giúp hoạt động giáo dục đạo đức đi đúng lộ trình và yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tuy nhiên, phân tích sâu về các tiêu chí có thứ bậc thấp đã bộc lộ những điểm yếu mang tính hệ thống. Nội dung “Sự tham gia của các lực lượng” có ĐTB thấp nhất (2,78) đi kèm với ĐLC cao nhất (1,00). Sự phân hóa mạnh mẽ trong ý kiến này chỉ ra rằng công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội tại địa bàn hải đảo Kiên Hải vẫn còn lỏng lẻo, chưa tạo được cơ chế đồng bộ trong khâu lập kế hoạch. Việc huy động nguồn lực bên ngoài nhà trường dường như vẫn mang tính hình thức, chưa được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu phối hợp định lượng. Bên cạnh đó, tính linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch (ĐTB = 2,89; hạng 5) cũng chưa đạt được kỳ vọng, cho thấy các bản kế hoạch đôi khi còn cứng nhắc, chưa bám sát diễn biến thực tiễn của môi trường giáo dục địa phương.

Sự chênh lệch về thứ hạng giữa tính pháp quy (hạng 1) và tính thực tiễn phối hợp (hạng 6) là minh chứng cho thấy công tác quản lý hiện nay vẫn nặng về thủ tục hành chính nội bộ hơn là hướng tới sự tác động đa chiều. Kết quả khảo sát này là cơ sở thực tiễn quan trọng, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đề xuất các biện pháp quản lý nhằm tối ưu hóa tính khả thi và đồng bộ. Để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức tại đặc khu Kiên Hải, các nhà trường cần chuyển dịch trọng tâm từ việc lập kế hoạch “đúng quy trình” sang việc lập kế hoạch “phù hợp thực tiễn”, đặc biệt là chú trọng vào các cơ chế huy động nguồn lực giáo dục ngoài nhà trường.

### **3.3. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang**

**Bảng 2. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông**

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB ( $\bar{x}$ )	ĐLC (SD)	Thứ bậc
1	Phân công trách nhiệm rõ ràng cho các lực lượng	3,14	0,81	1
2	Tổ chức thực hiện hoạt động theo đúng kế hoạch	3,06	0,87	2
3	Tổ chức qua dạy học, sinh hoạt lớp và trải nghiệm	2,97	0,92	4

4	Vai trò của GV chủ nhiệm	3,03	0,88	3
5	Vai trò của Đoàn Thanh niên và các đoàn thể	2,78	1,00	6
6	Bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức cho GV	2,87	0,93	5
7	Huy động và sử dụng các nguồn lực hỗ trợ	2,71	0,99	7
<b>ĐTB chung</b>		<b>2,94</b>		

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT tại đặc khu Kiên Hải đạt mức độ Khá (ĐTB = 2,94). Chỉ số ĐLC phản ánh sự đánh giá tương đối thống nhất giữa CBQL và GV về các quy trình vận hành hiện tại. Trong đó, việc “Phân công trách nhiệm rõ ràng” dẫn đầu về thứ bậc (ĐTB = 3,14; SD = 0,81), cho thấy các nhà trường đã thiết lập được cấu trúc nhân sự và phân định nhiệm vụ cụ thể, tạo tiền đề ổn định cho việc triển khai các hoạt động sự phạm. Phân tích sâu về dữ liệu cho thấy sự đề cao vai trò của đội ngũ GV chủ nhiệm với ĐTB đạt 3,03 (hạng 3). Kết quả này hoàn toàn tương thích với dữ liệu định tính thu được qua phỏng vấn, khi đa số CBQL khẳng định GV chủ nhiệm là lực lượng nòng cốt, trực tiếp điều hành các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua sinh hoạt lớp và dạy học lồng ghép. Tuy nhiên, sự tập trung quá lớn vào GV chủ nhiệm cũng bộc lộ những mất xích chưa thực sự hiệu quả trong chu trình tổ chức. Cụ thể, nội dung “Huy động và sử dụng các nguồn lực” (hạng 7) và “Vai trò của Đoàn Thanh niên” (hạng 6) có điểm số thấp nhất, đồng thời sở hữu ĐLC cao (SD = 1,00). Sự phân hóa này phản ánh tình trạng thiếu đồng bộ trong việc phối hợp liên ngành; các tổ chức đoàn thể và nguồn lực xã hội hóa chưa được khai thác tối đa, khiến hình thức tổ chức đôi khi còn đơn điệu, chưa thoát ly khỏi không gian lớp học truyền thống. Đáng chú ý, kết quả khảo sát về công tác bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức (hạng 5) và thực hiện hoạt động trải nghiệm có chiều sâu (hạng 4) cho thấy một rào cản về kỹ năng chuyên môn. Ý kiến phỏng vấn từ GV đã giải thích rõ thêm về sự lúng túng khi triển khai các hoạt động trải nghiệm do hạn chế về kinh phí, thời gian và đặc biệt là kỹ năng tổ chức. Điều này minh chứng rằng, dù kế hoạch được xây dựng bám sát chỉ đạo như kết quả ở Bảng 1, nhưng khâu thực thi vẫn gặp khó khăn trong việc chuyển sang các phương thức giáo dục hiện đại. Tóm lại, công tác tổ chức tại địa bàn khảo sát đang có xu hướng hành chính hóa tốt nhưng lại thiếu hụt các điều kiện hỗ trợ mang tính kỹ thuật và nguồn lực xã hội, đòi hỏi những giải pháp quyết liệt hơn trong việc bồi dưỡng chuyên môn và huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng ngoài nhà trường.

### 3.4. Thực trạng chỉ đạo tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang

**Bảng 3. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông**

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB (X)	ĐLC (SD)	Thứ bậc
1	Chỉ đạo thống nhất về mục tiêu giáo dục đạo đức	3,22	0,75	1
2	Thực hiện đầy đủ nội dung theo kế hoạch	3,14	0,81	3
3	Đổi mới phương pháp giáo dục đạo đức	2,97	0,92	5
4	Đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động	2,92	0,95	6
5	Bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức cho GV	2,87	0,93	7
6	Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hoạt động	3,03	0,88	4

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB ( $\bar{X}$ )	ĐLC (SD)	Thứ bậc
7	Điều chỉnh kịp thời hoạt động theo thực tiễn	2,81	0,97	8
8	Phát huy vai trò nêu gương của CBQL và GV	3,11	0,84	2
<b>ĐTB chung</b>		<b>3,01</b>		

Kết quả phân tích tại Bảng 3 cho thấy công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức tại các trường THPT đặc khu Kiên Hải đạt mức Khá (ĐTB = 3,01). Chỉ số ĐLC ở mức thấp trong các chức năng quản lý đã khảo sát, cho thấy một sự đồng thuận rất cao và ổn định trong nhận thức của đội ngũ về vai trò điều hành của Ban giám hiệu. Điểm nhấn quan trọng nhất nằm ở tiêu chí “Chỉ đạo thống nhất mục tiêu” (ĐTB = 3,22; SD = 0,75) và “Phát huy vai trò nêu gương” (ĐTB = 3,11; SD = 0,84). Việc sở hữu ĐTB cao đi kèm ĐLC thấp cho thấy nhà trường đã thành công trong việc tạo ra một môi trường sư phạm chuẩn mực, nơi các giá trị đạo đức được lan tỏa thông qua sự thống nhất về tư tưởng và sự gương mẫu của đội ngũ quản lý.

Tuy nhiên, xét về tính linh hoạt và chiều sâu chuyên môn, công tác chỉ đạo vẫn bộc lộ những khoảng trống cần hoàn thiện. Tiêu chí “Điều chỉnh kịp thời hoạt động theo thực tiễn” đứng cuối bảng xếp hạng (ĐTB = 2,81) với ĐLC khá cao (0,97). Điều này phản ánh thực tế rằng công tác chỉ đạo hiện nay vẫn nặng tính áp đặt từ trên xuống dựa trên kế hoạch có sẵn, thiếu sự phản hồi và điều chỉnh linh hoạt trước những biến đổi phức tạp của tâm lý học sinh cũng như bối cảnh xã hội đặc thù của vùng hải đảo. Sự hạn chế trong “Đa dạng hóa hình thức tổ chức” (hạng 6) và “Bồi dưỡng năng lực chuyên môn” (hạng 7) tiếp tục củng cố nhận định rằng đội ngũ quản lý mới chỉ dừng lại ở việc đôn đốc thực hiện đúng và đủ kế hoạch, mà chưa có những chỉ đạo đột phá về mặt phương pháp sư phạm hiện đại.

Tương ứng với kết quả định lượng, các dữ liệu khảo sát cho thấy một nghịch lý trong quản lý: trong khi việc theo dõi, đôn đốc (hạng 4) được thực hiện khá quyết liệt, thì khâu bồi dưỡng kỹ năng thực thi lại chưa được chú trọng tương xứng. Điều này dễ dẫn đến áp lực cho GV khi họ phải thực hiện các mục tiêu thống nhất của nhà trường nhưng lại thiếu đi sự hỗ trợ về kỹ thuật tổ chức các hình thức giáo dục mới. Tóm lại, công tác chỉ đạo tại địa bàn nghiên cứu cần chuyển dịch từ mô hình kiểm soát tuân thủ sang hỗ trợ phát triển, tập trung mạnh hơn vào việc bồi dưỡng năng lực chuyên sâu và tăng cường tính dự báo để điều chỉnh kế hoạch kịp thời với thực tiễn giáo dục.

### **3.5. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang**

**Bảng 4. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông**

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB ( $\bar{X}$ )	ĐLC (SD)	Thứ bậc
1	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá	3,14	0,81	1
2	Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ	3,03	0,88	3
3	Thực hiện kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau	2,89	0,95	5
4	Đảm bảo nguyên tắc khách quan, công khai	3,12	0,84	2

5	Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động	2,84	0,95	6
6	Biểu dương, khen thưởng và nhắc nhở kịp thời	2,95	0,92	4
<b>ĐTB chung</b>		<b>2,99</b>		

Kết quả thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá tại Bảng 4 cho thấy mức độ thực hiện đạt ngưỡng Khá (ĐTB = 2,99). Điều này chứng tỏ hệ thống giám sát tại các trường THPT đặc khu Kiên Hải đã được vận hành một cách nề nếp. Các tiêu chí về thiết lập kế hoạch kiểm tra (ĐTB = 3,14; SD = 0,81) và đảm bảo tính khách quan, công khai (ĐTB = 3,12; SD = 0,84) đạt thứ bậc cao nhất. Sự hội tụ của các chỉ số ĐTB cao và SD thấp phản ánh một nhận thức chung thống nhất: công tác kiểm tra không chỉ là một thủ tục hành chính mà đã trở thành công cụ quan trọng để duy trì kỷ cương và tính minh bạch trong giáo dục đạo đức tại nhà trường.

Tuy nhiên, khi đi sâu vào hiệu quả thực chất của công tác hậu kiểm, dữ liệu bộc lộ những hạn chế về tính ứng dụng. Nội dung “Sử dụng kết quả kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh hoạt động” đứng cuối bảng xếp hạng (ĐTB = 2,84; SD = 0,95). Qua phỏng vấn sâu, ý kiến của CBQL đã làm rõ thêm thực trạng này khi thừa nhận việc khai thác dữ liệu sau kiểm tra mới chỉ dừng lại ở mức độ “rút kinh nghiệm chung” thay vì có những điều chỉnh mang tính chiến lược hoặc can thiệp chuyên môn sâu. Điều này tạo nên một chu trình quản lý hờ, nơi dữ liệu được thu thập nhưng chưa được chuyển hóa thành giải pháp cải tiến hiệu quả. Đồng thời, việc “Đa dạng hóa hình thức kiểm tra” (hạng 5) cũng chưa đạt kết quả cao, cho thấy phương pháp đánh giá còn nặng về định tính, thiếu các bộ công cụ định lượng hóa các biểu hiện hành vi đạo đức của học sinh.

Đặc biệt, mong muốn của GV về việc tăng cường phản hồi cụ thể và khen thưởng kịp thời (hạng 4) cho thấy một khoảng cách giữa mục tiêu kiểm tra của quản lý và nhu cầu được động viên của người thực thi. Chỉ số SD = 0,92 ở tiêu chí khen thưởng phản ánh sự chưa đồng nhất trong cách thức khích lệ tại các đơn vị. Tóm lại, công tác kiểm tra, đánh giá tại địa bàn nghiên cứu hiện nay đang hoàn thành tốt vai trò giám sát tuân thủ nhưng lại yếu ở vai trò định hướng phát triển. Để tối ưu hóa chức năng này, các nhà trường cần chú trọng hơn vào việc đa dạng hóa kỹ thuật đánh giá và thiết lập cơ chế phản hồi nhanh, biến kết quả kiểm tra thành động lực và căn cứ khoa học cho sự đổi mới hoạt động giáo dục đạo đức.

### **3.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh các trường phổ thông ở đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang**

- Ưu điểm:

Qua kết quả khảo sát, có thể khẳng định công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức tại các trường THPT đặc khu Kiên Hải đã được thực hiện tương đối nề nếp và đạt mức độ Khá (ĐTB chung = 2,98). Ưu điểm nổi bật nhất nằm ở sự đồng thuận mạnh mẽ về mặt nhận thức, khi tuyệt đa số CBQL và GV (94,4%) xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết.

Trong chu trình quản lý, các nhà trường đã thể hiện rõ tính pháp quy và kỷ cương sư phạm. Công tác lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện được thực hiện bài bản, bám sát các văn bản hướng dẫn của ngành và đảm bảo tính thống nhất về mục tiêu giáo dục trong toàn đơn vị. Vai trò nêu gương của đội ngũ quản lý và sự nhiệt huyết của đội ngũ GV chủ nhiệm đã tạo nên một môi trường giáo dục đạo đức có tính lan tỏa và ổn định. Công tác kiểm tra, đánh giá bước đầu đã đảm bảo được tính khách quan, công khai, góp phần duy trì nề nếp và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ thực thi.

- Hạn chế

Bên cạnh các kết quả đạt được, nghiên cứu cũng chỉ ra những “điểm trũng” cần khắc phục để nâng cao hiệu quả quản lý:

+ Công tác tổ chức và lập kế hoạch vẫn nặng tính nội bộ nhà trường. Việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình, Đoàn Thanh niên và các lực lượng xã hội còn lỏng lẻo, khiến các hoạt động giáo dục đạo đức đôi khi còn đơn điệu và thiếu tính trải nghiệm thực tế.

+ Chu trình quản lý có xu hướng hành chính hóa khi việc điều chỉnh kế hoạch theo diễn biến thực tế và việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động còn mang tính hình thức, chưa tạo được đột phá về chất lượng.

+ Công tác bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức hiện đại cho GV chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến tình trạng GV còn lúng túng khi triển khai các hoạt động trải nghiệm có chiều sâu hoặc đổi mới phương pháp giáo dục.

- Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

+ Nguyên nhân khách quan: Đặc thù địa lý của vùng hải đảo (đặc khu Kiên Hải) gây khó khăn cho việc kết nối và huy động các nguồn lực xã hội hóa. Đồng thời, áp lực từ chương trình văn hóa và các kỳ thi khiến quỹ thời gian dành cho các hoạt động giáo dục đạo đức chuyên sâu bị bó hẹp.

+ Nguyên nhân chủ quan: Năng lực quản trị chuyên môn của một bộ phận CBQL còn hạn chế, thiên về kiểm soát tuân thủ hơn là hỗ trợ phát triển. Hệ thống tiêu chí đánh giá hành vi đạo đức còn thiếu các công cụ định lượng khoa học, khiến việc phản hồi và điều chỉnh hoạt động thiếu căn cứ xác thực. Cuối cùng, cơ chế khen thưởng và động viên chưa đủ mạnh để khơi dậy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ GV trong công tác giáo dục nhân cách cho học sinh.

#### **4. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường THPT đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang cho phép rút ra các kết luận cơ bản sau:

Thứ nhất, về nhận thức, đội ngũ CBQL và GV đã xác định đúng đắn tầm quan trọng và mức độ cần thiết của công tác quản lý giáo dục đạo đức với tỷ lệ đồng thuận cao (94,4%). Đây là nền tảng tư tưởng vững chắc, phản ánh sự tâm huyết và trách nhiệm của đội ngũ sư phạm đối với việc hình thành nhân cách học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Thứ hai, về thực trạng thực hiện, công tác quản lý đã được triển khai tương đối đồng bộ qua các khâu với ĐTB chung đạt mức Khá. Nhà trường đã thể hiện thế mạnh trong việc lập kế hoạch bám sát văn bản chỉ đạo, chỉ đạo thống nhất mục tiêu và đảm bảo tính khách quan trong kiểm tra. Tuy nhiên, chu trình quản lý vẫn tồn tại những "điểm nghẽn" ở khâu tổ chức thực hiện và hậu kiểm. Việc huy động các nguồn lực xã hội còn hạn chế; tính linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch chưa cao và việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động quản lý còn mang tính hình thức.

Thứ ba, nguyên nhân của những hạn chế chủ yếu xuất phát từ đặc thù địa lý của vùng hải đảo gây khó khăn cho công tác phối hợp liên ngành, cùng với đó là áp lực về thời gian và sự thiếu hụt các công cụ bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn sâu cho GV.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh THPT tại đặc khu Kiên Hải, công tác quản lý cần có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình kiểm soát hành chính sang

mô hình quản trị thực tiễn. Các nhà trường cần tập trung vào việc đa dạng hóa hình thức tổ chức, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng cho GV chủ nhiệm và xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Những phát hiện của nghiên cứu này là căn cứ khoa học quan trọng để các cấp quản lý giáo dục tại địa phương điều chỉnh chính sách và biện pháp quản lý phù hợp, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục toàn diện của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

#### **Tài liệu tham khảo**

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể.*
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
- Hà, N. T. (2007). *Giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường phổ thông.* Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Komensky, J. A. (2001). *The Great Didactic.* (Bản dịch tiếng Việt: *Thiên đường của trái tim*). Hà Nội: NXB Thế giới.
- Nguyễn, Q. C., & Nguyễn, T. M. L. (2010). *Đại cương khoa học quản lý.* Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phạm, M. H. (2002). *Phát triển toàn diện con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* NXB Chính trị Quốc gia.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019.*
- Trần, K. (2004). *Khoa học quản lý giáo dục – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn.* NXB Giáo dục.
- UNESCO. (2015). *Rethinking Education: Towards a Global Common Good?.* Paris.